TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THIỆU HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 10 - 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;
2. Ông Nguyễn Xuân Thu.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Minh.

Ngày 12 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ lý số: 110/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2023giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị L, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn a, xã TV, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Chị L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn a, xã TV, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2023, bản tự khai ngày 30/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Nguyễn Hữu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TV, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 05/12/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, luôn cãi vã xúc phạm nhau, anh H đánh đập chị L, mặc dù gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần, bản thân chị L đã cố gắng nhưng anh H vẫn không tu chí làm ăn mà chơi bời lêu lổng, dẫn đến vợ chồng tình cảm vẫn không cải thiện được; Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn

mục đích hôn nhân không đạt được, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bảo Giang sinh ngày 03/12/2015 và cháu Nguyễn Thị Bảo Anh sinh ngày 26/11/2018; Ly hôn chị L đề nghị được nuôi 02 con chung yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000đ, hai cháu là 3.000.000đ mỗi tháng.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Hữu H nhiều lần đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa nhưng anh H không đến Tòa án làm việc. Tại đơn xin hoãn phiên tòa đề ngày 25/9/2023 anh H có ý kiến:

Trong suốt thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc anh H đã nhận được các giấy tờ văn bản Tòa án gửi, lý do anh H không đến Tòa án là không muốn ly hôn, mong muốn chị L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành tốt việc triệu tập của Tòa án; Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị L và anh H, về giao nuôi con: Giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Bảo Giang và cháu Nguyễn Thị Bảo Anh, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L để đảm bảo sinh hoạt và học hành cho 02 con chung theo mặt bằng chung tại địa phương. Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, bị đơn phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Hữu H là bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu trường trú tại huyện Thiệu Hóa vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H và chị L.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Hữu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị L trình bày là do bất

đồng quan điểm, vợ chồng có xô sát, anh H không tu chí làm ăn, hiện tại chị L và 02 con đã ra ở riêng; Tòa án đã mở phiên hòa giải, mở phiên tòa và triệu tập anh H nhiều lần nhưng anh H không có mặt, Điều này chứng tỏ, anh H bỏ mặc không tha thiết níu kéo hôn nhân, chị L vẫn cương quyết ly hôn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị L được ly hôn anh H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Theo chị L vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bảo Giang sinh ngày 03/12/2015 và cháu Nguyễn Thị Bảo Anh sinh ngày 26/11/2018, chị L xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh cháu Nguyễn Bảo Giang sinh ngày 03/12/2015 và cháu Nguyễn Thị Bảo Anh sinh ngày 26/11/2018, có ghi họ tên bố là anh Nguyễn Hữu H, họ tên mẹ là chị Lê Thị L, như vậy đủ cơ sở khẳng định Nguyễn Bảo Giang sinh ngày 03/12/2015 và cháu Nguyễn Thị Bảo Anh sinh ngày 26/11/2018 là con chung của anh H và chị L. Hiện tại cháu Giang và cháu Anh đang ở với chị L và cháu Giang đã hơn 07 tuổi mong muốn ở với chị L, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định:

"2.Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"

Nên giao cháu Giang và cháu Anh cho chị L nuôi dưỡng, tránh xáo trộn việc học hành và ổn định tâm lý của 02 cháu lâu nay vẫn ở với chị L là phù hợp.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng, chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000đ/tháng, thấy rằng mức cấp dưỡng chị L đề nghị là phù hợp, để đảm bảo chi phí sinh hoạt và học hành cho 02 cháu phù hợp với mặt bằng chung tại địa phương và công việc thu nhập của hai bên.

[4]. Về tài sản và công nợ: Trong vụ án này, Hội đồng xét xử không biết được nội dung yêu cầu của anh H, đối với phần tài sản giữa anh H và chị L nếu có tài sản sẽ tự bàn bạc thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện.

[5]. Về án phí: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và anh H phải chị án phí cấp dưỡng nuôi con chung đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[6]. *Về phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*

Phát biểu của kiểm sát viên về việc chấp hànhpháp luật cũng như căn cứ, quan điểm về nội dung giải quyết về vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Bảo Giang sinh ngày 03/12/2015 và cháu Nguyễn Thị Bảo Anh sinh ngày 26/11/2018 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hữu H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Anh, cháu Giang đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2023.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: AA/2022/0000550 ngày 22/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị L đã nộp đủ án phí.

Buộc anh Nguyễn Hữu H phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị L, anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Thiệu Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Thi hành án dân sự (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Dũng Tấn **Nguyễn Xuân Thu** **Hoàng Văn Đạt**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Dũng Tấn **Nguyễn Xuân Thu** **Hoàng Văn Đạt**